

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 02/2009/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 2 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh (dưới đây gọi tắt là hỗ trợ lãi suất) như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng quy định về hỗ trợ lãi suất

1. Các tổ chức tín dụng cho vay vốn đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thực hiện việc hỗ trợ lãi suất, bao gồm: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương (dưới đây gọi chung là ngân hàng thương mại).

2. Tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng được hỗ trợ lãi suất là khách hàng vay để thực hiện các phương án sản xuất, kinh doanh ở trong nước theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001.

3. Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay ngắn hạn (thời hạn cho vay đến 12 tháng) bằng đồng Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 đến 31 tháng 12 năm 2009, bao gồm:

a) Các khoản cho vay mà khách hàng vay sử dụng để làm vốn lưu động cho hoạt động sản xuất - kinh doanh được thống kê theo phân ngành kinh tế quy định tại Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

b) Các khoản cho vay mà khách hàng vay sử dụng để làm vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh: Xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp theo quy định của pháp luật hiện hành; các lĩnh vực xã hội hoá theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

4. Các khoản cho vay được thống kê thuộc ngành, lĩnh vực theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg không thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất, bao gồm:

a) Các khoản cho vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam; các khoản cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng ngoại tệ.

b) Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam được thống kê theo phân ngành kinh tế tại Phụ lục 7 Quyết định số 477/2004/QĐ- NHNN:

- Ngành công nghiệp khai thác mỏ;

- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm bao gồm cả cho vay để đầu tư trực tiếp và gián tiếp ra nước ngoài, trả nợ nước ngoài, trả nợ tổ chức tín dụng khác, trả nợ các khoản nợ tại ngân hàng thương mại nơi cho vay;
- Hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn;
- Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng; Đảng, đoàn thể; bảo đảm xã hội bắt buộc;
- Giáo dục và đào tạo;
- Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội;
- Hoạt động văn hoá, thể thao bao gồm cả kinh doanh vui chơi, giải trí;
- Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng (bao gồm cả cho vay để đáp ứng các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng);
- Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình;
- Hoạt động của các tổ chức và đoàn thể quốc tế.

c) Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua ngoại tệ thanh toán nhập khẩu mặt hàng tiêu dùng được thống kê theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại văn bản số 13684/NHNN-CSTT ngày 26 tháng 12 năm 2007 về việc gửi báo cáo tạm thời bằng văn bản. Các mặt hàng tiêu dùng bao gồm: Đá quý và kim loại quý; ô tô nguyên chiếc các loại từ 12 chỗ ngồi trở xuống; hàng tiêu dùng các loại theo quy định tại Quyết định số 07/2007/QĐ-BTM ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Danh mục hàng tiêu dùng để phục vụ việc xác định thời hạn nộp thuế nhập khẩu, Quyết định số 10/2008/QĐ-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc bổ sung danh mục hàng tiêu dùng để phục vụ việc xác định thời hạn nộp thuế nhập khẩu và Quyết định số 27/2008/QĐ-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc ban hành Danh mục hàng tiêu dùng để phục vụ việc xác định thời hạn nộp thuế nhập khẩu.

d) Các khoản cho vay để đầu tư và kinh doanh chứng khoán quy định tại Quyết định số 03/2008/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán.

đ) Các khoản cho vay để mua, bán quyền sử dụng đất được thống kê theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại văn bản số 5659/NHNN-CSTT ngày 25 tháng 6 năm 2008 về báo cáo một số chỉ tiêu tín dụng.

Điều 2. Nguyên tắc, thời hạn, mức lãi suất và phương thức hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất là các ngân hàng thương mại cho vay các nhu cầu vốn lưu động để hoạt động sản xuất – kinh doanh theo cơ chế tín dụng thông thường và thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này; không được từ chối hỗ trợ lãi suất, nếu khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để kiểm tra, giám sát tình hình hỗ trợ lãi suất.

2. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 08 tháng kể từ ngày giải ngân, áp dụng trong năm 2009 đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 đến 31 tháng 12 năm 2009; các khoản vay có thời hạn vay vượt quá năm 2009, thì chỉ được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian vay của năm 2009; các khoản vay quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ vay thì không được tính hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ và gia hạn nợ vay.

3. Mức lãi suất hỗ trợ cho khách hàng vay là 4%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay thực tế nằm trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 đến 31 tháng 12 năm 2009.

4. Phương thức thực hiện hỗ trợ lãi suất là đến kỳ hạn thu lãi tiền vay, các ngân hàng thương mại giảm trừ ngay số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất trên cơ sở báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại.

Điều 3. Quy trình và trách nhiệm của khách hàng vay, ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất

1. Đối với khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất